

Khu Đề xuất BTTN Nghĩa Hưng

Tên khác:

Không có

Tỉnh:

Nam Định

Diện tích:

7.600 ha

Toa độ:

19°56' - 20°00' N, 106°07' - 106°12' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đồng bằng sông Hồng

Có quyết định của Chính phủ:

Chưa

Đã thành lập Ban Quản lý:

Không

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Không

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Nghĩa Hưng nằm trên vùng bờ biển huyện Nghĩa Hưng thuộc tỉnh Nam Định. Năm 1996, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Chương trình BirdLife Quốc tế đã tiến hành khảo sát 18 khu đất ngập nước ven biển thuộc đồng bằng sông Hồng và xác định Nghĩa Hưng là khu quan trọng thứ 2 đối với công tác bảo tồn đất ngập nước (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Từ kết quả của đợt khảo sát trên, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Chương trình BirdLife Quốc tế đã đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Nghĩa Hưng.

Hiện tại, kế hoạch đầu tư, ban quản lý khu bảo tồn vẫn chưa được xây dựng (Chi cục Kiểm lâm Nam Định, 2003). Nghĩa Hưng không có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT (Cục Kiểm lâm, 2003). Khu vực Nghĩa Hưng hiện trực thuộc sự quản lý của Chi cục Kiểm lâm Nam Định.

Địa hình và thủy văn

Nghĩa Hưng nằm trong vùng bờ biển thuộc đồng bằng sông Hồng. Khu vực này có chiều dài bờ biển 12 km, phía tây giới hạn bởi sông Đáy, ranh giới phía đông là sông Ninh Cơ. Vùng tiếp giáp với cửa sông Ninh Cơ là các bãi cát, các đụn cát và đầm nước mặn. Phía đông khu vực là các đầm nuôi trồng thủy sản. Dọc

sông Ninh Cơ có các ruộng muối. Phía ngoài con đê chính có các bãi ngập triều với diện tích khoảng 3.500 ha. Cách bờ biển 5 km có 2 đảo cát nhỏ có diện tích 25 ha với các đụn cát và một số đầm nước mặn phí nam (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Đa dạng sinh học

Nghĩa Hưng có tới 13 kiểu sinh cảnh khác nhau và là một trong các vùng có sinh cảnh đa dạng nhất ở vùng ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng. Trong số đó có các kiểu sinh cảnh chính là: rừng trồng ngập mặn với loài *Trang Kandelia candel*, các bãi bồi, các bãi cát và các đụn cát. Bên ngoài con đê chính, có một diện tích rộng các đầm nuôi trồng thủy sản, trong đó có các bãi sậy *Phragmites* sp. hoặc các đầm rừng ngập mặn rải rác (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Tại Nghĩa Hưng ghi nhận nhiều loài chim nước di cư trong đó có nhiều loài đang bị đe dọa trên toàn cầu ở các cấp độ khác nhau như: Choắt lớn mỏ vàng *Tringa guttifer*, Choắt chân màng lớn *Limnodromus semipalmatus*, Rẽ mỏ thìa *Calidris pygmeus*, Mòng bể mỏ ngắn *Larus saundersi*, Bò nông chân xám *Pelecanus philippensis*, Cò trắng Trung quốc *Egretta eulophotes*, Quắm đầu đen *Threskiornis melanocephalus* và Cò thìa *Platalea minor*. Năm 1994 đã ghi nhận được 41 cá thể Cò thìa và 260 cá thể Mòng bể mỏ ngắn tại khu vực (Tordoff 2002). Tháng 4/1994 đã có khoảng hơn 30.000 cá thể các loài họ Rẽ, Choắt được ghi nhận (Pedersen *et al.* 1996). Trong những

năm gần đây có rất ít thông tin ghi nhận về các loài chim nước tại khu bảo tồn, mặc dầu vậy, Nghĩa Hưng đã có mặt trong danh sách các vùng chim quan trọng của Việt Nam (Tordoff 2002).

Các vấn đề về bảo tồn

Các hoạt động đe dọa lớn nhất đối với đa dạng sinh học ở Nghĩa Hưng là săn bắn, khai thác quá mức tài nguyên biển và các hoạt động khai thác đánh bắt hải sản làm nhiễu loạn khu vực (theo lời Lê Trọng Trãi). Quá trình săn bắn đặc biệt đe dọa tới các loài chim nước. Trong tháng 2/1999, có tới 20 km lưới được sử dụng để bắt chim ở khu vực ngập triều thuộc huyện Nghĩa Hưng. Thợ săn còn sử dụng súng hơi và súng săn để săn bắn chim. Các loài săn bắt chủ yếu là vịt và ngỗng, chúng được bán sang Trung Quốc (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Mặc dù đã có lệnh cấm săn bắt chim, nhưng việc săn bắt vẫn xảy ra mạnh mẽ bởi vì người dân địa phương chưa hiểu đầy đủ ý nghĩa của công tác bảo tồn chim, đồng thời lãnh đạo địa phương và hạt kiểm lâm huyện chưa có các hoạt động kiểm soát săn bắt chim một cách có hiệu quả (theo lời Lê Trọng Trãi).

Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã xác định một số khó khăn trong công tác quản lý ở Nghĩa Hưng như: chưa có kế hoạch quản lý vùng bờ biển cấp huyện, thiếu phương tiện kỹ thuật cho các nhân viên của hạt kiểm lâm và người dân chưa nhận thức được giá trị đa dạng sinh học của rừng ngập mặn trên các bãi bồi ngập triều. Ngoài ra, các tác giả trên còn cho rằng việc phát triển nuôi trồng thủy sản không theo quy trình, thiếu các kỹ thuật cơ bản để theo dõi chiều hướng phát triển của các quần thể các loài hai mảnh vỏ, đồng thời chưa có các chỉ dẫn về việc cấm săn bắt các loài chim trong khu vực.

Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã khuyến nghị rằng kế hoạch quản lý khu vực phải dựa trên cơ sở khai thác bền vững tài nguyên biển, thực hiện đầy đủ việc đánh giá tầm quan trọng của các bãi bồi là nơi kiếm ăn của các loài bị đe dọa, cũng như tầm quan trọng của các đảo xa bờ là nơi làm tổ của các loài chim nước di cư.

Các giá trị khác

Cửa Đáy và cửa Ninh Cơ là trung tâm quan trọng cung cấp cá và động vật biển cho kinh tế địa phương. Ngoài ra, rừng ngập mặn ở Nghĩa Hưng là nơi kiếm ăn và sinh sản của nhiều loài cá, tôm và cua, đồng thời chúng đóng vai trò quan trọng đối với việc duy trì năng suất các sản phẩm của biển vùng ven bờ. Một phần lớn diện tích rừng ngập mặn nằm trong các đầm nuôi trồng thủy sản, được quản lý phục vụ cho việc phát triển nuôi Cua *Scylla serrata* và các sản phẩm khác.

Trong năm 1996, đã quan sát thấy khoảng 1.000 người dân đi bắt các loài vạng, voọc, sam, (tên địa phương) và nhiều loài thân mềm khác khi thủy triều xuống ở các khu vực ngập triều có diện tích khoảng 1.500 ha. Các loài phổ biến mà người dân thường thu lượm là *Meretrix* sp., *Hitula diplos* và *Macra quadrangularis*. Sản xuất muối cũng là một trong các hoạt động kinh tế ở Nghĩa Hưng. Phía bắc khu vực có khoảng 50 ha các ruộng muối (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các dự án có liên quan

Công tác trồng rừng ngập mặn đã được tiến hành ở Nghĩa Hưng. Trước năm 1999, Chương trình 327 là nguồn cung cấp tài chính cho hoạt động trồng rừng, đến năm 1999, Chương trình này được thay thế bằng Chương trình 661. Hội chữ thập đỏ Đan Mạch cũng hỗ trợ tài chính cho dự án trồng rừng trong khu vực.

Ban Nghiên cứu Sinh thái Rừng ngập mặn của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường hiện đang xây dựng một dự án cỡ vừa trong khuôn khổ Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF), do UNDP tài trợ. Dự án này có tên là *Bảo tồn các khu đất ngập nước ven biển ở lưu vực sông Hồng, Việt Nam*, dự kiến tiến hành ở 5 khu vực trong 3 tỉnh: Ninh Bình, Nam Định và Thái Bình. Mục tiêu của dự án là bảo tồn lâu dài và sử dụng bền vững đa dạng sinh học ở vùng bờ biển thuộc lưu vực sông Hồng.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Nghĩa Hưng hiện không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do không đáp ứng được các tiêu chí về tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	VN012 Nghĩa Hưng
B _I	Đề xuất rừng đặc dụng
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa thực hiện báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Lao Dong "Labour" (2000) "Spoonbill, a rare bird, is disappearing from Vietnam". Lao Dong "Labour" 15 June 2000. In Vietnamese.

Le Dien Duc (1992) Final report on monitoring of hunting pressure on waterbirds on the Red River Delta, Vietnam. Unpublished report to Asian Wetlands Bureau.

Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Pedersen, A., Nielsen, S. S., Le Dinh Thuy and Le Trong Trai (1996) Northward migration of shorebirds through the Red River Delta, Vietnam, in 1994. *Stilt* 28: 22-31.

